

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 71/2019/DS-ST
Ngày: 14/11/2019
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà **Nguyễn Ngọc An**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Phước**
2. Bà **Lý Thị Bạch Tuyết**
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 484/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V**
Địa chỉ trụ sở: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, H, Thành phố H.
Địa chỉ chi nhánh: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V - Chi nhánh Đ; số 115B, Lê Duẩn, Khu Phước Hải, TT.L, huyện L1, tỉnh Đ.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T.
Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh Hà Văn A, sinh năm 1986.
Địa chỉ: 115B, Lê Duẩn, Khu Phước Hải, TT.L, huyện L1, tỉnh Đ.
- *Bị đơn:* Ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1958.
Bà **Bùi Thị Bạch T**, sinh năm 1963.
Cùng HKTT: 410, khu phố 2, phường T, thành phố P, tỉnh Đ.
Cùng địa chỉ: 260/2, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.
(anh Văn A, ông T có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2019 và quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V do anh Hà Văn A trình bày:*

Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V (gọi tắt: BIDV) có cho ông T vay số tiền 680.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/378464/HĐTD ký ngày 13/5/2016 giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V - Chi nhánh Đ và ông Thành. Mục đích vay: Hoàn vốn mua xe ô tô. Thời hạn vay 60 tháng và lãi suất 10,8%/năm, lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo là xe ô tô con 5 chỗ hiệu Maxda Cx – 5, biển số 60A – 288.90, giấy chứng nhận đăng ký xe số 048629 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/5/2016 tên Đặng Văn T được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/378464/HĐBĐ ngày 13/5/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 25/5/2016.

Đến nay BIDV yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền vay gốc là 493.660.000 đồng và lãi tính đến ngày 14/11/2019 là 144.611.536 đồng bao gồm 126.649.836 đồng lãi trong hạn, lãi quá hạn 17.961.700 đồng, tổng cộng 638.271.536 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh trên nợ gốc đến khi hết khoản nợ. Theo đơn khởi kiện có yêu cầu thanh toán phí phạt nhưng nay Ngân hàng không yêu cầu.

Trường hợp ông T không trả được nợ, đề nghị xử lý tài sản thế chấp nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Tòa án làm việc với bà T, bà có ý kiến đối với khoản tiền vay này chỉ do ông T vay, sử dụng chứ bà không biết và ông T cũng thừa nhận một mình ông vay và sử dụng số tiền vay bà T không biết nên ông sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ vay mà BIDV khởi kiện thì BIDV đồng ý. Nay BIDV khởi kiện chỉ yêu cầu ông T có trách nhiệm trả nợ. Đối với tài sản đảm bảo khoản vay BIDV vẫn yêu cầu ông T, bà T cùng có trách nhiệm vì họ đã ký vào hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm số 01/2016/378464/HĐBĐ ngày 13/5/2016. Bà T xác định chiếc xe này bà không biết không liên quan đến bà nhưng bà đã ký thì bà T phải có trách nhiệm trong tài sản là chiếc xe này để đảm bảo thi hành án nếu ông T không trả được nợ.

Bà T cho rằng bà không ký trong hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm số 01/2016/378464/HĐBĐ ngày 13/5/2016 là không đúng, ông T và bà T đã ký vào hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm này. Nếu bà T cho rằng không phải là chữ ký của bà thì bà phải yêu cầu giám định nhưng bà T không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết thì bà tự chịu trách nhiệm. Phía Ngân hàng không yêu cầu giám định vì Ngân hàng xác định do bà T ký và ghi họ tên.

Nay BIDV cũng không yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Tại bản tự khai ngày 12/9/2019, ngày 27/9/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Văn T trình bày:*

Ngân hàng trình bày việc ông có vay tiền là đúng, số tiền này là do một mình ông ký hợp đồng vay với BIDV và ông sử dụng để hoàn vốn mua xe ô tô con 5 chỗ hiệu Maxda Cx – 5, biển số 60A – 288.90, xe ô tô này là của ông mua và đứng tên. Nay Ngân hàng có yêu cầu khởi kiện đối với ông, yêu cầu ông có trách nhiệm trả khoản nợ vay còn lại thì ông đồng ý thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 493.660.000 đồng và lãi tính đến ngày 14/11/2019 là 144.611.536 đồng bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, tổng cộng 638.271.536 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh theo yêu cầu đến khi hết khoản nợ. Nhưng cho đến nay do ông đang gặp khó khăn nên chưa thể trả nợ vay cho Ngân hàng được, nếu ông không trả được nợ ông đồng ý đưa tài sản là chiếc xe ô tô đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm số 01/2016/378464/HĐBĐ ngày 13/5/2016 do ông và bà Tuyết đã ký với Ngân hàng.

Bà T trình bày số nợ này bà không vay và tài sản đảm bảo là chiếc xe không liên quan đến bà là đúng. Bà T đã ký vào hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay của ông với Ngân hàng là do lúc đó ông và bà T là vợ chồng nên cùng ký để đảm bảo thủ tục vay cho ông. Bà T cũng xác định xe này là tài sản của ông không liên quan đến bà nên trường hợp dùng xe này để phát mãi đảm bảo thi hành án cho khoản vay cũng không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của bà T, bà T ký tên vào hợp đồng thế chấp cho đúng thủ tục thế chấp khi ông bà đang là vợ chồng, còn xe là của ông.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2019, bị đơn bà Bùi Thị Bạch T trình bày:*

Bà và ông Đặng Văn T đã ly hôn với nhau vào ngày 13/4/2017 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 435/2017/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa. Bà không biết việc ông T có vay của BIDV số tiền 680.000.000 đồng cho đến khi Tòa án đến làm việc bà mới biết. Sau khi bà được Tòa án cho xem hợp đồng thế chấp tài sản 01/2016/378464/HĐBĐ ngày 13/5/2016 giữa Ngân hàng với ông T và bà cùng với đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày thì bà xác định chữ ký và chữ viết Bùi Thị Bạch T không phải là của bà. Hoàn toàn không có việc bà ký vào hợp đồng thế chấp này. Do bà không biết xe ô tô biển số 60A-288.90 là xe như thế nào và của ai. Bà xác định bà không liên quan đến việc vay tiền giữa ông T và BIDV nên đề nghị Tòa án không mời bà làm việc. Ông T là người trực tiếp vay Ngân hàng nên đề nghị Tòa án làm việc với ông Thành, bà và ông Thành đã ly hôn nên bà không biết ông T đang ở đâu. Ông T là người vay nên đề nghị Tòa án buộc ông

T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, đồng thời bà cung cấp quyết định ly hôn cho Tòa án. Bà xác định chữ ký và chữ viết tại hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/378464/HĐBĐ ngày 13/5/2016 và với đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày không phải là chữ ký và chữ viết của bà nhưng bà không yêu cầu gì. Tòa án giải quyết đối với chiếc xe này như thế nào thì không liên quan đến bà vì bà không vay tiền và cũng không ký thế chấp, xe là của ông T không liên quan đến bà.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện, hồ sơ pháp lý của Ngân hàng; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự của Ngân hàng số 906/QĐ-BIDV ngày 26/11/2018, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, Quyết định về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ số 54/QĐ-BIDV ngày 14/01/2019, bản sao giấy CMND ông Lê Minh T, giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu, Quyết định ủy quyền số 93/QĐ-BIDV.ĐĐN ngày 20/3/2019, chứng minh nhân dân của ông Hà Văn A, Quyết định Ủy quyền ký và thực hiện các hợp đồng, văn bản liên quan đến hoạt động cấp tín dụng tại Chi nhánh số 73/QĐ-BIDV.ĐĐN ngày 14/4/2015, hợp đồng tín dụng số 01/2016/378464/HĐTD ngày 13/5/2016, bản kê rút vốn/hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 13/5/2016, hợp đồng thế chấp tài sản 01/2016/378464/HĐBĐ ngày 13/5/2016, giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 25/5/2016, hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 10/5/2016, giấy chứng nhận kiểm định, sổ hộ khẩu bà T, ông T, đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/5/2016, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 60A-288.90, thông báo nợ quá hạn ngày 16/8/2018, biên bản bàn giao ngày 30/7/2019 của Ngân hàng cho ông T. Đơn không yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 27/9/2019. Hai bản tự khai ngày 24/7/2019, ngày 27/9/2019 của anh Văn A.

Bản CMND ông T, Bản tự khai ngày 12/9/2019 và ngày 27/9/2019. Biên bản xác minh ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị về việc vắng mặt của bà Bùi Thị Bạch T ngày 20/8/2019, quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 435/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2017. Thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Các tình tiết các bên thống nhất và không thống nhất: Ngân hàng và ông Thành thống nhất về số tiền vay như hợp đồng tín dụng đã ký kết, tài sản bảo đảm như hợp đồng đã ký và số tiền chưa thanh toán, ông T có trách nhiệm thanh toán

nợ, ông T đồng ý xử lý tài sản đảm bảo khi chưa thanh toán hết nợ vay. Bà T trình bày bà không vay và không ký hợp đồng thế chấp tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Giữa BIDV và ông T có ký hợp đồng tín dụng, các bên xác định thống nhất số tiền vay, lãi suất, phương thức thanh toán, số dư nợ còn lại. Phía ông T xác định nợ là của ông vay theo hợp đồng tín dụng đã ký. Ông T đồng ý thanh toán nợ vay và nếu ông không trả được nợ ông đồng ý đưa tài sản là chiếc xe ô tô 60A-288.90 đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm số 01/2016/378464/HĐBĐ ngày 13/5/2016 do ông và bà T đã ký với Ngân hàng. Bà T cũng xác định khoản nợ là ông T vay không liên quan đến bà nhưng hợp đồng thế chấp tài sản không phải do bà ký và xe cũng không phải của bà nhưng bà không yêu cầu giám định do không liên quan đến bà nên có căn cứ đề nghị chấp nhận yêu cầu của BIDV buộc ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền 638.271.536 đồng gồm nợ gốc 493.660.000 đồng, tiền lãi 144.611.536 đồng bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của Ngân hàng đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bị đơn phải thanh toán tiền phí phạt, xác định chỉ yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần đã rút.

Trường hợp ông T không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô 60A-288.90 theo hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm số 01/2016/378464/HĐBĐ ngày 13/5/2016 do ông và bà T đã ký với Ngân hàng để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn bà Bùi Thị Bạch T và bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng số 01/2016/378464/HĐTD ký ngày 13/5/2016 giữa BIDV và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đang được thực hiện có nội

dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng các quy định của Bộ luật này theo Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 01/2016/378464/HĐTD ký ngày 13/5/2016 giữa BIDV và ông T cùng các chứng cứ khác trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các bên, xác định có việc giao kết hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn ông T. Ông T thừa nhận còn nợ của BIDV số tiền 638.271.536 đồng trong đó tiền gốc 493.660.000 đồng và lãi như Ngân hàng khởi kiện và đồng ý trả nợ. Việc vay chỉ một mình ông T ký vay trong hợp đồng tín dụng giữa ông T và Ngân hàng. Ông T, bà T xác định khoản nợ vay do ông T vay và sử dụng nên BIDV yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T có trách nhiệm thanh toán 638.271.536 đồng, trong đó nợ gốc 493.660.000 đồng, lãi tính đến ngày 14/11/2019 là 144.611.536 đồng bao gồm lãi trong hạn 126.649.836 đồng, lãi quá hạn 17.961.700 đồng và yêu cầu ông T thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng từ ngày tiếp theo của ngày xét xử đến khi hết khoản nợ, không yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán nợ. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông T thừa nhận nợ và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông T phải thanh toán cho BIDV toàn bộ số tiền 638.271.536 đồng tính đến ngày xét xử và yêu cầu ông T thanh toán tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn trên dư nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày tiếp theo ngày xét xử đến khi hết khoản nợ.

Theo đơn khởi kiện thì Ngân hàng có yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền phí phạt nhưng tại phiên tòa xác định chỉ yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn như đã nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện này.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay, các bên có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm số 01/2016/378464/HĐBĐ ngày 13/5/2016 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/5/2016 đối với xe ô tô con 5 chỗ hiệu Maxda Cx – 5, biển số 60A – 288.90, giấy chứng nhận đăng ký xe số 048629 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/5/2016 tên Đặng Văn T. BIDV và ông T xác định chữ ký và chữ viết trong hợp đồng này là của bà T còn bà T không thừa nhận chữ ký và chữ viết là của bà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà không có đơn yêu cầu giám định. Ông T cho rằng do trong thời kỳ hôn nhân nên ông bà cùng ký để đảm bảo thủ tục vay cho ông và bà T cũng xác định xe là của ông T. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đưa tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/378464/HĐBĐ ngày 13/5/2016 vào đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thành thuộc diện người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tiền án phí. Căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi số 39 ngày 23/11/2009 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Bùi Thị Bạch T không phải chịu tiền án phí.

Hoàn trả cho BIDV tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.820.000 đồng theo biên lai số 0005202 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 303, Điều 304, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 2 Luật người cao tuổi số 39 ngày 23/11/2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Đặng Văn T và bà Bùi Thị Bạch T.

Buộc ông Đặng Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V số tiền nợ gốc 493.660.000 đồng và nợ lãi 144.611.536 đồng, tổng cộng 638.271.536 đồng (sáu trăm ba mươi tám triệu hai trăm bảy mươi một ngàn năm trăm ba mươi sáu đồng).

Ông Đặng Văn T phải chịu tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn trên nợ gốc phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15/11/2019 trở đi cho đến khi thi hành xong nợ.

Trường hợp ông T không thanh toán thì Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V có quyền yêu cầu tài sản bảo đảm là xe ô tô con 5 chỗ hiệu Maxda Cx – 5, biển số 60A – 288.90, giấy chứng nhận đăng ký xe số 048629 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/5/2016 tên Đặng Văn T theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/378464/HĐBĐ ngày 13/5/2016 ký giữa Ngân hàng với ông Đặng Văn T và bà Bùi Thị Bạch T.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện về phí phạt.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn T, bà Bùi Thị Bạch T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.820.000 đồng (mười ba triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0005202 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn ông Đặng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Bùi Thị Bạch T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu (4).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc An